

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Bà Trần Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 03/2024/TB-TA ngày 10 tháng 4 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 45/2024/TB-TA và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 48/2024/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Linh Thị T, sinh năm 1990. Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay đang sinh sống tại: B, Đ, V, Đài Trung, Đài Loan; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Minh N, sinh năm 1989. Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản tự khai chị Linh Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Minh N chung sống vợ chồng cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 03-02-2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01-2020 thì chị sang Đài Loan làm việc. Đến tháng 7-2022 thì vợ

chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên có quan điểm, lối sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đó nay, không có sự quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh N. Khi ly hôn, chị nhất trí để con chung là cháu Hoàng Dung N, sinh ngày 25-9-2010 cho anh Hoàng Minh N nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình chung sống chị và anh Hoàng Minh N không có tài sản chung, không có nợ ai. Do tính chất công việc, vị trí địa lý nên chị xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án ly hôn.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự bị đơn anh Hoàng Minh N trình bày: Anh và chị Linh Thị T chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2020 chị Linh Thị T đi lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, hai bên không còn tình cảm với nhau, không còn sự quan tâm đến nhau và đã ly thân nhau từ đó đến nay. Anh Hoàng Minh N xét thấy quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Linh Thị T. Khi ly hôn anh sẽ nuôi dưỡng con chung cháu Hoàng Dung N, hàng tháng chị Linh Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình chung sống anh và chị Linh Thị T không có tài sản chung, không có nợ ai. Anh xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng chị Linh Thị T, anh Hoàng Minh N có mâu thuẫn trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không còn sự quan tâm đến nhau. Như vậy, yêu cầu của chị Linh Thị T xin được ly hôn với anh Hoàng Minh N là có căn cứ. Về con chung: Khi ly hôn hai bên nhất trí để anh Hoàng Minh N được quyền nuôi dưỡng con chung, chị Linh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất nhưng đã được triệu tập hợp lệ, tuy nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Linh Thị T, anh Hoàng Minh N chung sống vợ chồng cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn ngày 03-02-2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Linh Thị T, anh Hoàng Minh N là hợp pháp. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì chị Linh Thị T đi lao động và làm việc tại Đài Loan cho đến nay, hai người sống ly thân nhau, không còn tình cảm vợ chồng với nhau, không còn sự quan tâm đến nhau. Chị Linh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh N. Yêu cầu của chị Linh Thị T đưa ra cũng được anh Hoàng Minh N chấp nhận bởi hai bên không còn tình cảm với nhau. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa chị Linh Thị T và anh Hoàng Minh N là không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xử cho chị Linh Thị T được ly hôn với anh Hoàng Minh N.

[3] Về con chung: Chị Linh Thị T và anh Hoàng Minh N có 01 con chung là cháu Hoàng Dung N, sinh ngày 25-9-2010. Khi ly hôn chị Linh Thị T nhất trí để con chung cho anh Hoàng Minh N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, hàng tháng chị Linh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Minh N cũng nhất trí với ý kiến này. Xét thấy, chị Linh Thị T hiện đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan; con chung từ năm 2020 đang ở cùng với anh Hoàng Minh N; bản thân anh Hoàng Minh N có việc làm, có thu nhập, cụ thể: Anh Hoàng Minh N đang là lái xe, có thu nhập hàng tháng từ 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng; hiện anh Hoàng Minh N và cháu Hoàng Dung N sinh sống cùng nhà với bố mẹ của anh Hoàng Minh N; cháu Hoàng Dung N cũng có nguyện vọng được ở với anh Hoàng Minh N khi bố mẹ ly hôn nên có đủ căn cứ pháp lý ghi nhận vấn đề này. Chị Linh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị Linh Thị T và anh Hoàng Minh N đều khẳng định không có tài sản chung, không có nợ ai nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Linh Thị T phải chịu 600.000đồng án phí sơ thẩm gồm 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Linh Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Linh Thị T được ly hôn với anh Hoàng Minh N (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 03-02-2010 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Anh Hoàng Minh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Dung N, sinh ngày 25-9-2010 cho đến khi cháu Hoàng Dung N đủ 18 tuổi.

Chị Linh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng Dung N. Mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Dung N đủ 18 tuổi.

Chị Linh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Linh Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 22-12-2023, chị Linh Thị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006060 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, chị Linh Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND x. H, h. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-
- Lưu: HS vụ án, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa